

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/DS-PT
Ngày 30/3/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông
Ông Phan Thanh Tòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2023/QĐPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Thiện T, sinh năm 1971;

Cư trú tại: Số nhà 379, ấp P, xã P1, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1979;

Cư trú tại: Ấp 3, xã P1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông Huỳnh Minh T1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Đặng Hoàng V, sinh năm 1971;

Cư trú tại: Ấp Phước Xuân, xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Quốc Tổ U, sinh năm 1970;

3. Chị Đặng Hoàng Tổ N, sinh năm 1993;

Cư trú tại: Số nhà 34/4, Đường Đ, Phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Thị N1, sinh năm 1973;

Cư trú tại: Số nhà 102E2, khu phố M2, Phường 7, thành phố BT.

- *Người kháng cáo:* Chị Đặng Hoàng Tổ N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 16/8/2022 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Bùi Thiện T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Khoảng tháng 9/2019, ông Đặng Hoàng V, bà Nguyễn Quốc Tổ U có hỏi vay của ông Bùi Thiện T số tiền 2.000.000.000 đồng. Ông T cho vay với điều kiện là bà Nguyễn Quốc Tổ U và chị Đặng Hoàng Tổ N phải ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất có diện tích 2.919,3m² thuộc thửa 24, tờ bản đồ 12, tọa lạc tại xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà U và chị N đứng tên quyền sử dụng. Do nhu cầu cần vốn làm ăn nên ngày 24/9/2019, bà U và chị N đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông T phần đất trên với giá 1.800.000.000 đồng, hợp đồng được ký kết tại Văn phòng công chứng Đồng Khởi; đồng thời ngày 25/9/2019 ông V và ông T ký tiếp hợp đồng mua bán nhà với số tiền là 200.000.000 đồng. Lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 4%/1 tháng. Ông V và ông T còn lập 01 hợp đồng thuê nhà viết tay với thỏa thuận: Ông T cho ông V thuê lại phần nhà đất thửa 24 nêu trên với giá thuê là 40 triệu đồng/tháng và thời hạn thuê nhà là 06 tháng tương đương với thời gian ông T cho vay tiền. Ông T đã giao đủ số tiền 2.000.000.000 đồng cho ông V và bà U. Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền 2.000.000.000 đồng thì ông V chỉ trả cho ông T được 01 tháng tiền lãi là 80.000.000 đồng thì ngưng. Do đó, ông T đã sang tên quyền sử dụng thửa 24 nêu trên qua cho ông T đứng tên quyền sử dụng.

Đến ngày 11/02/2020, ông T và ông V tiếp tục viết tờ giấy tay có tiêu đề “Giấy thỏa thuận cầm và chuộc đất” để làm tin về việc cầm cố đất; giấy thỏa thuận này do ông V tự tay viết và ghi rõ thời hạn cầm đất là từ ngày 23/9/2019 đến 23/4/2020. Tuy nhiên, hết thời hạn này ông V vẫn không trả lại số tiền vay 2.000.000.000 đồng cho ông T để chuộc đất. Đến ngày 20/9/2020, ông T và ông V tiếp tục viết 01 tờ giấy tay có tiêu đề “Biên bản thỏa thuận v/v chuyển giao tài

sản” với thỏa thuận ông T hỗ trợ thêm số tiền 300.000.000 đồng để ông V di dời giao nhà đất; cùng ngày 20/9/2020 ông T đã đưa cho ông V 300.000.000 đồng cho ông V nhưng ông V không giao nhà đất cho ông T. Những thỏa thuận sau này chỉ có ông T và ông V thỏa thuận với nhau, bà U và chị N không tham gia.

Do cần vốn làm ăn nên ngày 18/9/2020, ông T đã vay của bà Đặng Thị N1 số tiền 1.100.000.000 đồng; để đảm bảo số tiền vay ông T đã ký chuyển nhượng phần đất thửa 24 tờ bản đồ 12 nêu trên cho bà N1 và bà N1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/12/2021.

Nay ông T yêu cầu hủy tất cả các hợp đồng đã ký kết giữa ông T với bà U, chị N và ông V, bao gồm:

1. “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông T với bà U và chị N được lập tại Văn phòng công chứng K4 ngày 24/9/2019 (số công chứng 6855/HĐCNQSDĐ, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD);

2. Hợp đồng mua bán nhà viết tay giữa ông T với ông V đề ngày 25/9/2019;

3. Hợp đồng thuê nhà viết tay giữa ông T với ông V đề ngày 25/9/2019;

4. Giấy thỏa thuận cầm và chuộc đất viết tay giữa ông T với ông V đề ngày 11/02/2020;

5. Biên bản thỏa thuận về việc bàn giao tài sản viết tay giữa ông T với ông V đề ngày 20/9/2020.

Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng, ông T yêu cầu ông V, bà U và chị N phải liên đới trả cho ông T cùng với lãi suất 1,66%/1 tháng kể từ ngày 24/9/2019 đến khi Tòa án xét xử, có trừ đi số tiền lãi 80.000.000 đồng mà ông T đã nhận được trước đó.

Đối với số tiền 300.000.000 đồng, ông T chỉ thỏa thuận với ông V, bà U và chị N không biết, tiền cũng do ông V nhận nên ông T chỉ yêu cầu một mình ông V chịu trách nhiệm số tiền này cùng với lãi suất 1,66%/1 tháng kể từ ngày 20/9/2020 đến khi Tòa án xét xử.

Ông T cũng yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/9/2020 giữa ông T với bà N1, ông T sẽ trả lại bà N1 số tiền 1.100.000.000 đồng cùng lãi suất 1,66%/1 tháng tính từ ngày 18/9/2020 đến khi Tòa án xét xử.

Nhà đất thửa 24 từ trước đến nay vẫn do ông V quản lý nên ông T yêu cầu điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho ông V, bà U và chị N sau khi ông T nhận đủ tiền từ ông V, bà U và chị N. Đối với các khoản thuế và phí mà ông T đã nộp trong quá trình làm thủ tục chuyển quyền sử dụng thì ông T tự chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn ông Đặng Hoàng V trình bày:

Ông được vợ trước của ông là bà Nguyễn Quốc Tổ U và con gái ông là Đặng Hoàng Tổ N ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án. Phần đất có diện tích 2.919,3m² thuộc thửa 24 tờ bản đồ 12 tọa lạc tại xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà U và chị N đứng tên quyền sử dụng. Vào khoảng tháng 9/2019, ông và bà U có vay của ông Bùi Thiện T số tiền 2.000.000.000 đồng. Ông T cho vay với điều kiện là bà U và chị N phải ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất thửa 24 cho ông T. Do nhu cầu cần vốn làm ăn nên bà U và chị N đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông T phần đất trên với giá 1.800.000.000 đồng và ông ký hợp đồng mua bán căn nhà và tài sản trên đất cho ông T với giá 200.000.000 đồng. Ngày 23/9/2019, bà U đã nhận số tiền 1.063.000.000 đồng và ông nhận số tiền 737.000.000 đồng của ông T; tổng cộng là 2.000.000.000 đồng; lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 4%/1 tháng. Ông có trả cho ông T được 02 tháng tiền lãi tổng cộng là 160.000.000 đồng thì ông T cố tình tránh mặt ông để không nhận tiền lãi nữa và tự ý sang tên quyền sử dụng đất. Đến ngày 11/2/2020, ông đi tìm và gặp được ông T nên ông đã viết 01 tờ giấy tay có tiêu đề “Giấy thỏa thuận cầm và chuộc đất” để làm tin; giấy tay này ông T có ký tên cùng với người làm chứng.

Do ông không có khả năng trả nợ nên ông và ông T tiếp tục thỏa thuận về việc bàn giao tài sản vào ngày 20/9/2020. Theo đó, ông có viết 01 tờ giấy tay có tiêu đề “Biên bản thỏa thuận về việc bàn giao tài sản”, ông và ông T cùng ký tên. Theo thỏa thuận thì ông bán toàn bộ thửa đất cùng tài sản trên đất cho ông T với giá 2.800.000.000 đồng; ông T đưa tiếp cho ông số tiền 300.000.000 đồng và một chủ quyền đất trị giá 500 triệu đồng của bà Lê Thị R địa chỉ ấp H3, xã S, huyện L3, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, ông T chỉ đưa cho ông số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 20/9/2020 còn sổ đất của bà R thì ông T không đưa. Do đó, thỏa thuận ngày 20/9/2020 hai bên cũng không thực hiện được.

Nay ông thống nhất theo yêu cầu của ông T là hủy tất cả các hợp đồng mà ông cùng bà U và chị N đã ký với ông T. Đối với số tiền 2.300.000.000 đồng còn nợ của ông T thì ông đồng ý trả vốn cùng trả lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng nhưng người chịu trách nhiệm trả nợ và thời gian tính lãi thì ông không đồng ý, cụ thể:

- Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng thì ông và bà U đồng ý liên đới trả cho ông T nhưng ông chỉ đồng ý trả lãi trong khoản thời gian Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn mang tên bà U và chị N; sau này ông T tự ý sang tên quyền sử dụng đất nên ông T là người vi phạm hợp đồng, ông không đồng ý trả lãi những tháng còn lại. Khi tính lãi phải trừ đi số tiền lãi mà ông đã trả cho ông T; do ông không có giấy tờ chứng minh số tiền lãi đã trả nên ông chấp nhận theo số tiền lãi ông T thừa nhận là 80.000.000 đồng. Riêng chị N chỉ ký hợp đồng

chuyển nhượng để đảm bảo cho ông và bà U vay vốn nên chị N không chịu trách nhiệm trả nợ cho ông T.

- Đối với số tiền 300.000.000 đồng ông đồng ý trả lãi từ ngày nhận tiền đến khi Tòa án xét xử nhưng số tiền này một mình ông nhận nên một mình ông chịu trả, không liên quan đến bà U và chị N.

Nhà đất thửa 24 từ trước đến nay vẫn do ông quản lý nên ông yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho bà U và chị N; ông không có yêu cầu gì về đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N1 trình bày:

Ngày 18/9/2020, bà có cho ông Bùi Thiện T vay số tiền 1.100.000.000 đồng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 3%/1 tháng; để đảm bảo cho món nợ vay ông T có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất diện tích 2.919,3m² thuộc thửa 24 tờ bản đồ 12 tọa lạc tại xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre cho bà. Hai bên đã ký kết hợp đồng theo quy định và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/12/2021. Bà cũng đã trả cho ông T số tiền là 1.100.000.000 đồng. Từ ngày vay tiền đến nay, ông T không trả lãi, không trả vốn và cũng không giao đất cho bà. Thời gian gần đây, bà mới biết giữa ông T và ông V có nhiều thỏa thuận liên quan đến phần đất thửa 24 tờ bản đồ 12 này. Nay bà chấp nhận hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/9/2020 giữa ông T với bà, bà đồng ý nhận lại số tiền 1.100.000.000 đồng cùng lãi suất 1,66%/1 tháng tính từ ngày 18/9/2020 đến khi Tòa án xét xử. Bà đồng ý điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho ông V, bà U và chị N sau khi ông T trả đủ tiền cho bà.

Bà ký hợp đồng chuyển nhượng với ông T, tiền bà cũng giao cho ông T nên bà chỉ yêu cầu một mình ông T chịu trách nhiệm trả nợ cho bà. Đối với các khoản thuế và phí mà bà đã nộp trong quá trình làm thủ tục chuyển quyền sử dụng thì bà tự chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các giao dịch giữa ông T với ông V, bà U và chị N bà không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện C đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Hủy “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông Bùi Thiện T với bà Nguyễn Quốc Tổ U, chị Đặng Hoàng Tổ N được ký kết tại Văn phòng công chứng K4 ngày 24/9/2019 (số công chứng 6855/HĐCNQSDĐ, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD).

1.2. Hủy “Hợp đồng mua bán nhà” viết tay giữa ông Bùi Thiện T với ông Đặng Hoàng V đề ngày 25/9/2019.

1.3. Hủy “Hợp đồng thuê nhà” viết tay giữa ông Bùi Thiện T với ông Đặng Hoàng V đề ngày 25/9/2019.

1.4. Hủy “Giấy thỏa thuận cầm và chuột đất” viết tay giữa ông Bùi Thiện T với ông Đặng Hoàng V đề ngày 11/02/2020.

1.5. Hủy “biên bản thỏa thuận về việc bàn giao tài sản” viết tay giữa ông Bùi Thiện T với ông Đặng Hoàng V đề ngày 20/9/2020.

1.6. Hủy “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông Bùi Thiện T với bà Đặng Thị N1 được ký kết tại Văn phòng công chứng Kim Cương ngày 18/9/2020 (số công chứng 3785, quyển số 06/2020 TP/CC-SCC/HĐGD).

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.919,3m² thuộc thửa 24 tờ bản đồ 12 tọa lạc tại xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre từ bà Đặng Thị N1 sang bà Nguyễn Quốc Tổ U và chị Đặng Hoàng Tổ N.

2. Ông Đặng Hoàng V, bà Nguyễn Quốc Tổ U và chị Đặng Hoàng Tổ N phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Bùi Thiện T số tiền là 3.112.988.000 (Ba tỷ một trăm mười hai triệu chín trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

3. Ông Đặng Hoàng V chịu trách nhiệm trả cho ông Bùi Thiện T số tiền là 419.852.000 (Bốn trăm mười chín triệu tám trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

4. Ông Bùi Thiện T chịu trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị N1 số tiền là 1.540.674.000 (Một tỷ năm trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2022 bị đơn chị Đặng Hoàng Tổ N kháng cáo bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chị N không đồng ý có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ vay cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Đặng Hoàng Tố N, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự thống nhất thừa nhận giao dịch mà ông Bùi Thiện T ký kết với ông Đặng Hoàng V, bà Nguyễn Quốc Tố U và chị Đặng Hoàng Tố N xuất phát từ thỏa thuận vay tiền; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Thiện T với bà Đặng Thị N1 cũng xuất phát từ thỏa thuận vay tiền. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là về việc:

- Hủy “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông Bùi Thiện T với bà Nguyễn Quốc Tố U, chị Đặng Hoàng Tố N được ký kết tại Văn phòng công chứng K4 ngày 24/9/2019 (số công chứng 6855/HĐCNQSĐĐ, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD).

- Hủy “Hợp đồng mua bán nhà” viết tay giữa ông Bùi Thiện T với ông Đặng Hoàng V đề ngày 25/9/2019.

- Hủy “Hợp đồng thuê nhà” viết tay giữa ông Bùi Thiện T với ông Đặng Hoàng V đề ngày 25/9/2019.

- Hủy “Giấy thỏa thuận cầm và chuộc đất” viết tay giữa ông Bùi Thiện T với ông Đặng Hoàng V đề ngày 11/02/2020.

- Hủy “biên bản thỏa thuận về việc bàn giao tài sản” viết tay giữa ông Bùi Thiện T với ông Đặng Hoàng V đề ngày 20/9/2020.

- Hủy “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông Bùi Thiện T với bà Đặng Thị N1 được ký kết tại Văn phòng công chứng Kim Cương ngày 18/9/2020 (số công chứng 3785, quyền số 06/2020 TP/CC-SCC/HĐGD).

Đối với hợp đồng vay tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm thẩm buộc ông Đặng Hoàng V chịu trách nhiệm trả cho ông Bùi Thiện T số tiền là 419.852.000 đồng (bốn trăm mười chín triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng). Buộc ông Bùi Thiện T chịu trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị N1 số tiền là 1.540.674.000 đồng (một tỷ năm trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) là phù hợp quy định pháp luật. Các nội dung này đương sự không có kháng cáo, người có thẩm quyền không kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[2] Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đặng Hoàng V, bà Nguyễn Quốc Tố U và chị Đặng Hoàng Tố N phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông

Bùi Thiện T số tiền là 3.112.988.000 đồng thì phía chị N không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới nên có yêu cầu kháng cáo.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông T, ông V, bà U cùng thống nhất trình bày có thỏa thuận vay tiền với nhau, ông T cho ông V, bà U vay 2.000.000.000 đồng và ông T đã giao cho bà U nhận 1.063.000.000 đồng, ông V nhận 737.000.000 đồng. Hai bên không có làm hợp đồng vay tiền mà ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/9/2019, theo đó bà U, chị N chuyển nhượng cho ông T phần đất thuộc thửa 24, tờ bản đồ 12. Sau này, ông T và ông V, bà U cùng xác định đó là hợp đồng giả tạo để che giấu hợp đồng vay và được hai bên yêu cầu hủy bỏ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy bỏ “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông Bùi Thiện T với bà Nguyễn Quốc Tố U, chị Đặng Hoàng Tố N được ký kết ngày 24/9/2019 là phù hợp.

Đối với hợp đồng vay giữa ông T với ông V, bà U thì có hiệu lực pháp luật. Ông V, bà U thừa nhận có nợ ông T 2.000.000.000 đồng thì phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền này và tiền lãi theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị N phải chịu trách nhiệm liên đới cùng trả nợ với ông V, bà U là không phù hợp. Bởi lẽ, việc vay tiền là giao dịch giữa hai bên ông T với ông V, bà U. Chị N không có tham gia thỏa thuận, giao dịch vay tiền, không có nhận tiền từ ông T nên không phải chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền này.

[3] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu các quan hệ tranh chấp về hủy các hợp đồng dân sự giữa ông Bùi Thiện T với ông Đặng Hoàng V, bà Nguyễn Quốc Tố U, chị Đặng Hoàng Tố N thì thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là thiếu sót; nhưng đã xem xét giải quyết đầy đủ các yêu cầu của đương sự và xem xét giải quyết toàn diện vụ án, việc xác định thiếu quan hệ tranh chấp này không làm ảnh hưởng đến bản chất, nội dung vụ án đã giải quyết.

Từ những nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của chị Đặng Hoàng Tố N, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đặng Hoàng Tố N không phải chịu. Hoàn trả cho chị N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006720 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Đặng Hoàng Tố N;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện C.

Căn cứ Điều 124, 275, 288, 292, 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thiện T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Đặng Hoàng V, bà Nguyễn Quốc Tố U, chị Đặng Hoàng Tố N.

1.1. Hủy “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông Bùi Thiện T với bà Nguyễn Quốc Tố U, chị Đặng Hoàng Tố N được ký kết tại Văn phòng công chứng K4 ngày 24/9/2019 (số công chứng 6855/HĐCNQSĐĐ, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD).

1.2. Hủy “Hợp đồng mua bán nhà” viết tay giữa ông Bùi Thiện T với ông Đặng Hoàng V đề ngày 25/9/2019.

1.3. Hủy “Hợp đồng thuê nhà” viết tay giữa ông Bùi Thiện T với ông Đặng Hoàng V đề ngày 25/9/2019.

1.4. Hủy “Giấy thỏa thuận cầm và chuộc đất” viết tay giữa ông Bùi Thiện T với ông Đặng Hoàng V đề ngày 11/02/2020.

1.5. Hủy “biên bản thỏa thuận về việc bàn giao tài sản” viết tay giữa ông Bùi Thiện T với ông Đặng Hoàng V đề ngày 20/9/2020.

1.6. Hủy “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông Bùi Thiện T với bà Đặng Thị N1 được ký kết tại Văn phòng công chứng Kim Cương ngày 18/9/2020 (số công chứng 3785, quyển số 06/2020 TP/CC-SCC/HĐGD).

Đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục, để được điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung quyết định của bản án.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.919,3m² thuộc thửa 24, tờ bản đồ 12, tọa lạc tại xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre từ bà Đặng Thị N1 sang bà Nguyễn Quốc Tố U và chị Đặng Hoàng Tố N.

2. Buộc ông Đặng Hoàng V, bà Nguyễn Quốc Tổ U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Thiện T số tiền là 3.112.988.000 đồng (ba tỷ một trăm mười hai triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng).

3. Buộc ông Đặng Hoàng V có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Thiện T số tiền là 419.852.000 đồng (bốn trăm mười chín triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

4. Buộc ông Bùi Thiện T có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị N1 số tiền là 1.540.674.000 đồng (một tỷ năm trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Thiện T phải chịu án phí là 58.220.000 đồng (năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 55.300.000 đồng (năm mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006371, 0006372 cùng ngày 06/4/2022 và số 0006669 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông T còn phải nộp số tiền án phí là 2.920.000 đồng (hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Ông Đặng Hoàng V, bà Nguyễn Quốc Tổ U phải liên đới chịu án phí là 94.259.000 đồng (chín mươi bốn triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng); các đương sự còn phải nộp số tiền này.

Ông Đặng Hoàng V phải chịu án phí là 20.595.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng); ông V còn phải nộp số tiền này.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đặng Hoàng Tổ N không phải chịu. Hoàn trả cho chị N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006720 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng